

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2025/QĐ-CTUBND

Phú Thọ, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 và Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”;

Căn cứ Nghị định 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày tháng năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 01/08/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Đông

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 75/2025/QĐ-CTUBND
ngày 24/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

- ### **Điều 3. Hình thức phối hợp**

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong thực hiện quản lý Nhà nước về XLVPHC.
2. Phối hợp trong công tác xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp XLVPHC.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm:
 - a) Chỉ đạo thực hiện các quy định của Luật XLVPHC, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và các văn bản chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền trong XLVPHC theo phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.
 - b) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành để xác định nội dung đề xuất Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND), Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC.
 - c) Thường xuyên rà soát, đánh giá tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị về những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về XLVPHC trên địa bàn tỉnh, báo cáo đề xuất với UBND tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về XLVPHC.

Điều 6. Phối hợp trong thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật về XLVPHC đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể; đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của chương trình tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật về XLVPHC đến mức độ nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân; kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật về XLVPHC, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về XLVPHC cho người có thẩm quyền XLVPHC và cán bộ, công chức tham mưu trong công tác XLVPHC để việc áp dụng các quy định pháp luật về XLVPHC được đầy đủ, chính xác.

2. Sở Tư pháp nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về XLVPHC để tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo về nội dung, phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

3. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Phú Thọ, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về XLVPHC; dành thời lượng thích hợp đăng tải, đưa tin kịp thời về tình hình thi hành pháp luật XLVPHC; cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật XLVPHC đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 7. Phối hợp trong công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC trên địa bàn tỉnh; Phòng chuyên môn có chức năng của UBND cấp xã phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC trên địa bàn theo Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ “Về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”, Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính” và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số

19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC theo ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Việc phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về XLVPHC giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về XLVPHC gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ “*Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính*” và điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 02/5/2025 của Chính phủ “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính*”.

Điều 8. Phối hợp trong xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của tỉnh về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc cập nhật thông tin và thường xuyên kiểm tra về độ chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu; bảo đảm kết nối an toàn, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm an toàn Tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC được cấp.

c) Đề xuất với UBND tỉnh việc bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực đảm bảo cho việc phối hợp xây dựng, quản lý và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC; bảo đảm kinh phí thực hiện việc cập nhật thông tin, đào tạo sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, kết quả XLVPHC thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến Cơ

sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC theo quy định khoản 6 Điều 17 Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 6 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

Điều 9. Phối hợp trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về XLVPHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi về Sở Tư pháp trước ngày 18 tháng 12 hàng năm, để Sở Tư pháp tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

(Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính).

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này:

Công an tỉnh có trách nhiệm báo cáo tình hình áp dụng biện pháp xử lý hành chính: Giáo dục tại xã, phường; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 10. Phối hợp trong việc bảo đảm các điều kiện để thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp xã tham mưu cho UBND tỉnh trong việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về XLVPHC bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp xã trong việc bố trí kinh phí, bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý nhà nước về XLVPHC và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về XLVPHC trong nguồn kinh phí hoạt động được giao trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 11. Phối hợp trong phát hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền XLVPHC; Chủ tịch UBND cấp xã phải có kế hoạch, các biện pháp phù hợp để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, phạm vi quản lý của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm thông báo ngay (bằng hình thức phù hợp) cho những người có thẩm quyền tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định.

Điều 12. Phối hợp trong lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025; khoản 4 Điều 6, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (khoản 1 Điều 12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).

2. Biên bản vi phạm hành chính phải bảo đảm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025; khoản 4 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).

3. Việc giao Biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025; khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp trong ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về đề xuất, kiến nghị về nội dung, hình thức xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham mưu cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đề xuất xử phạt cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan hành vi vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật XLVPHC, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính đã lập đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025.

5. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải trong thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 của Luật XLVPHC 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025. Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 68 của Luật XLVPHC năm 2012 và điểm đ khoản 72 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020; sử dụng đúng mẫu quyết định ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.

6. Việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính cần được thực hiện phù hợp về đối tượng vi phạm và tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, cụ thể:

a) Xác định rõ hành vi vi phạm hành chính của cá nhân hay tổ chức.

b) Xác định rõ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hành chính.

7. Khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải quyết định việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) và phải áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp pháp luật quy định.

8. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau khi ban hành được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) theo quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật XLVPHC năm 2025. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc.

Điều 14. Phối hợp trong tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Sau khi gửi quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định xử phạt chỉ đạo các bộ phận liên quan tích cực đôn đốc hoặc có các biện pháp thích hợp để tổ chức thi hành quyết định. Việc đôn

độc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản trong hồ sơ vụ việc.

2. Sau khi đã tuyên truyền, vận động, giải thích mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vẫn không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định xử phạt phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền liên quan tổ chức cưỡng chế buộc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3. Các cơ quan liên quan khi nhận được đề nghị phối hợp thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế phải có trách nhiệm phối hợp tham gia, không được gây trở ngại, khó khăn cho cơ quan đề nghị phối hợp.

Điều 15. Phối hợp trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị thuộc Công an tỉnh, Trưởng Công an cấp xã phối hợp chặt chẽ với Tòa án khu vực, Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc, Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

1. Biện pháp, đối tượng; thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng:

a) Trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường: Thực hiện theo quy định tại Điều 89, Điều 97, Điều 98 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 46, khoản 50, khoản 51, khoản 73 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Khoản 28, khoản 29 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) Trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 47 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Khoản 17, khoản 18 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

c) Trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại Điều 93, Điều 94 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 48 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Khoản 19, khoản 20 Điều 1 XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

d) Trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 21, 22 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

2. Thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 105, 106 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 28 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

3. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 58 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 108, Điều 109, Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 114 Luật XLVPHC năm 2012; Khoản 23, khoản 28, khoản 29 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan để thực hiện tốt các nội dung của công tác quản lý nhà nước về XLVPHC theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về XLVPHC trên địa bàn tỉnh.

2. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá thực hiện Quy chế này; là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; giúp UBND tỉnh thực hiện công tác báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC trên địa bàn theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020; số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước về XLVPHC theo quy định của pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.